

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28/5/2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 66/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* 1/ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1937.

2/ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1943.

Cùng địa chỉ: khu F, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1971.

2/ Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1975.

3/ Chị Nguyễn Thu Đ, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: khu F, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 31/12/2019 giữa anh Nguyễn Thanh L và ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị C.

2.2. Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L số tiền vốn 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày anh Nguyễn Thanh L có đơn yêu cầu thi hành án nêu ông

Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C chưa trả xong tất cả các khoản tiền thi hành tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3. Anh Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị C bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD220xxx, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 22/3/2016, sổ vào sổ CS06xxx, thửa đất số 250, diện tích 1.329,4m² tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khu F, thị trấn T1 do hộ ông Nguyễn Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ nộp số tiền 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0016036 ngày 22/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, còn lại 950.000đ (*Chín trăm năm mươi nghìn đồng*) buộc anh L có nghĩa vụ nộp tiếp.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ nộp 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng ông N, bà C có đơn xin miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên được miễn toàn bộ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga